

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 8 Điều 60 Luật Địa chất và khoáng sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản nhóm I; khoáng sản nhóm II, nhóm III có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và khoáng sản nhóm IV được tiến hành trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Quản lý rủi ro* là việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý nhằm đảm bảo tất cả rủi ro tiềm tàng được xác định, phân tích, đánh giá đối với tất cả các

công trình, máy, thiết bị, dây chuyền, quá trình công nghệ và trong tất cả các giai đoạn hoạt động khai thác khoáng sản.

2. *Đánh giá rủi ro* là việc đánh giá các rủi ro tiềm tàng trên cơ sở các tiêu chuẩn rủi ro chấp nhận được và chỉ tiêu được phê duyệt, đồng thời xác định các biện pháp giảm thiểu rủi ro đến mức hợp lý với thực tế chấp nhận được.

3. *Đánh giá mức độ rủi ro* là đánh giá các mối nguy hiểm đã được nhận biết dựa trên hậu quả và khả năng xảy ra.

4. *Ứng cứu khẩn cấp trong khai thác khoáng sản* là quá trình mang tính hệ thống, bao gồm hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả sự cố về an toàn, môi trường trong khai thác khoáng sản.

5. *Kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản* là bộ tài liệu bao gồm: Báo cáo quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp.

6. *Công trình hầm lò* là hệ thống đường lò, hệ thống cung cấp năng lượng, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống vận tải, hệ thống thông gió trong hầm lò và các công trình khác trong hầm lò phục vụ cho công tác khai thác khoáng sản.

Chương II

LẬP VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỦI RO TRONG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 4. Lập và phê duyệt Kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản

1. Doanh nghiệp khai thác khoáng sản nhóm I; khoáng sản nhóm II, nhóm III có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và khoáng sản nhóm IV, trừ khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò lập, phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản và gửi cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này để theo dõi.

2. Doanh nghiệp khai thác khoáng sản nhóm I; khoáng sản nhóm II, nhóm III có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và khoáng sản nhóm IV bằng phương pháp hầm lò lập kế hoạch quản lý rủi ro gửi cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này để phê duyệt.

3. Kế hoạch quản lý rủi ro bao gồm: Báo cáo quản lý an toàn; Báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp trong hoạt động khai thác khoáng sản được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận và phê duyệt kế hoạch kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản tiếp nhận Kế hoạch quản lý rủi ro của các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

2. Cục Kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp phê duyệt Kế hoạch rủi ro của các doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này,

Điều 6. Kế hoạch quản lý rủi ro gửi cơ quan có thẩm quyền để theo dõi và phê duyệt

1. Hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền theo dõi quy định tại khoản 1 Điều 5 gồm:

a) Văn bản gửi hồ sơ theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Kế hoạch quản lý rủi ro theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Quyết định phê duyệt Kế hoạch quản lý rủi ro theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy định tại khoản 2 Điều 5 gồm:

a) Văn bản gửi hồ sơ theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Kế hoạch quản lý rủi ro theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này lập thành 01 (một) bộ nộp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính công quốc gia hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Điều 7. Trình tự, thủ tục phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò

1. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ tài liệu hợp lệ cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này phải tổ chức thẩm định; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định đạt yêu cầu, cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này ban hành Quyết định phê duyệt theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Thời điểm phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò

1. Đối với dự án đầu tư khai thác mới, kế hoạch quản lý rủi ro phải được phê duyệt như sau:

a) 15 ngày trước khi thi công công trình hầm lò đầu tiên.

b) 15 ngày trước khi đưa công trình hầm lò vào sử dụng.

2. Đối với dự án đầu tư khai thác đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản mở, kế hoạch quản lý rủi ro phải được phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Đối với dự án đầu tư khai thác đã đi vào vận hành trước thời điểm Luật Địa chất và Khoáng sản có hiệu lực thi hành, kế hoạch quản lý rủi ro được phê duyệt trong thời hạn theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 60 Luật Địa chất và Khoáng sản.

Chương III

TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 9. Trách nhiệm của doanh nghiệp khai thác khoáng sản

1. Định kỳ hàng năm cập nhật kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản.

2. Trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khi có thay đổi về kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản.

Điều 10. Trách nhiệm của Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

1. Tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò của các doanh nghiệp.

2. Hàng năm, trước ngày 15 tháng 01 tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương về kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò.

3. Hướng dẫn tổ chức thực hiện Thông tư này.

4. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản.

Điều 11. Cơ quan quản lý an toàn khai thác khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tiếp nhận kế hoạch quản lý rủi ro của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản nhóm I; khoáng sản nhóm II, nhóm III có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và khoáng sản nhóm IV, trừ khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò.

2. Hướng dẫn thực hiện quy định tại Thông tư.

3. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Bãi bỏ cụm từ "công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản" tại Điều 1 Thông tư số 43/2010/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương (qua Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp) để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Các doanh nghiệp khai thác khoáng sản;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm soát TTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Công báo;
- Website Chính phủ, website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, ATMT.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên

Phụ lục I

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỦI RO TRONG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Thông tư số .../2025/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

PHẦN I. MỞ ĐẦU

PHẦN I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Chủ đầu tư và địa chỉ liên lạc

a) Tên chủ đầu tư:

b) Địa chỉ liên lạc:

c) Điện thoại:, Fax:

d) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

đ) Giấy phép khai thác mỏ (nếu có):

e) Địa chỉ khu vực khai thác:

PHẦN III. GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án, phương pháp khai thác, công suất.

2. Vị trí công trình, dự án, bản đồ địa hình, điều kiện tự nhiên liên quan đến an toàn, môi trường.

3. Vị trí các tòa nhà văn phòng, công trình tiện ích, dịch vụ, hệ thống an toàn và phòng cháy chữa cháy, vị trí của đội ứng cứu khẩn cấp bán chuyên trách.

4. Công nghệ thi công, khai thác.

5. Dây chuyền vận tải của các khâu chính trong hoạt động khai thác khoáng sản.

6. Thông tin về nhân sự làm việc cho dự án: Số lượng, phân bố nhân sự tại các khu vực, thời gian làm việc.

PHẦN IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỦI RO

Chương 1. Báo cáo quản lý an toàn

1. Mục tiêu và chính sách

Quy định về mục tiêu, chính sách an toàn và xử lý vi phạm về an toàn của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật về an toàn.

2. Quy định về kiểm tra an toàn; hồ sơ về công tác kiểm tra, biên bản, sổ kiến nghị và sổ ghi biên bản kiểm tra về an toàn.

3. Tổ chức về công tác an toàn trong doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Danh mục máy, thiết bị và phương tiện; tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn được áp dụng trong doanh nghiệp.

5. Quy trình vận hành, quy trình xử lý sự cố, bảo dưỡng cho dây chuyền, máy, thiết bị, công trình.

6. Quy định an toàn cụ thể cho từng phân xưởng, dây chuyền, máy, thiết bị, vật tư, hoá chất sử dụng; các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

7. Các biện pháp về kỹ thuật an toàn, phòng chống cháy nổ và đầu tư trang thiết bị bảo đảm công tác an toàn.

8. Hồ sơ trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp của nhân sự quản lý, điều hành sản xuất.

9. Hồ sơ theo dõi, điều tra, đánh giá, khắc phục tai nạn, sự cố, tổn thương về người hoặc hư hại về tài sản.

10. Đánh giá sự tuân thủ pháp luật về an toàn, môi trường

Chương 2. Báo cáo đánh giá rủi ro

1. Mục đích

- a) Nhận diện các mối nguy hiểm;
- b) Đánh giá rủi ro trong hoạt động khai thác khoáng sản;
- c) Đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

2. Phạm vi công việc: Đánh giá rủi ro và đề xuất các biện pháp để loại trừ, giảm thiểu tai nạn, sự cố.

3. Tài liệu liên quan

4. Từ viết tắt thông dụng, các thuật ngữ

5. Xác định mối nguy

Xác định tất cả các loại nguy hiểm (yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại), nguồn gốc và nguyên nhân gây ra các nguy hiểm đó cũng như hậu quả có thể xảy ra của nó đối với con người tại tổ chức, doanh nghiệp khai thác khoáng sản.

Các nội dung cần phải xem xét đến khi xác định mối nguy gồm:

- a) Các hoạt động thường xuyên và không thường xuyên;
- b) Các hoạt động của những người có khả năng tiếp cận đến khu vực nghiên cứu, sản xuất, bảo quản, sử dụng, tiêu hủy;
- c) Các hành vi, khả năng và các nhân tố liên quan đến con người khác;
- d) Xác định các mối nguy bắt nguồn từ bên ngoài nơi làm việc mà có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, an toàn của những người chịu ảnh hưởng kiểm soát của tổ chức trong phạm vi nơi làm việc;
- đ) Các mối nguy do hoạt động dưới sự kiểm soát của tổ chức, doanh nghiệp tạo ra trong vùng lân cận của nơi làm việc;

e) Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và vật liệu tại nơi làm việc do tổ chức hay người khác cung cấp;

g) Các thay đổi hay đề xuất thay đổi trong tổ chức, đối với các hoạt động, hay vật tư;

h) Các điều chỉnh đối với hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe và môi trường bao gồm các thay đổi mang tính tạm thời và ảnh hưởng của chúng đối với việc điều hành, các quá trình và các hoạt động;

k) Việc thiết kế khu vực làm việc, các quá trình, việc lắp đặt, máy, thiết bị, các thủ tục điều hành và tổ chức công việc, bao gồm việc thích ứng với khả năng của con người.

6. Đánh giá rủi ro

a) Xác định các giải pháp kiểm soát các mối nguy hiểm có sẵn

- Các giải pháp phải là giải pháp đã được thực hiện trong thực tế, đã được ban hành trong nội quy, quy trình, quy định về an toàn, phiếu công tác..., không phải là giải pháp mà người đánh giá đặt ra trong quá trình đánh giá.

- Yêu cầu các giải pháp kiểm soát mối nguy hiểm có sẵn phải được liệt kê: Ngắn gọn, chính xác, đầy đủ và càng cụ thể càng tốt. Cũng cần xem xét hiệu quả của các giải pháp có sẵn trong thực tế.

b) Đánh giá hậu quả của các mối nguy hiểm đã được xác định

Hậu quả là mức độ của chấn thương hoặc thiệt hại gây ra bởi tai nạn/sự cố, ốm đau từ mối nguy hiểm tại nơi làm việc. Hậu quả có thể được chia làm nhiều loại khác nhau dựa trên mức độ sự cố, thương tật. Ví dụ:

Hậu quả	Mô tả
Nhẹ	<i>Không chấn thương, chấn thương hoặc ốm đau chỉ yêu cầu sơ cứu (bao gồm các vết đứt và trầy xước nhỏ, sưng tấy, ốm đau với lo lắng tạm thời)</i>
Trung bình	<i>Chấn thương yêu cầu điều trị y tế hoặc ốm đau dẫn đến ốm yếu tàn tật (bao gồm vết rách, bong, bong gân, gãy nhỏ, viêm da, điếc, ...)</i>
Nặng	<i>Chết người, chấn thương trầm trọng hoặc bệnh nghề nghiệp có thể làm chết người (bao gồm cắt chân tay, gãy xương lớn, đa chấn thương, ung thư nghề nghiệp, nhiễm độc cấp tính và chết người)</i>

Hoặc chia thành 5 cấp độ như bảng sau đây:

Cấp độ	Mô tả	Diễn giải
A (5)	Thảm khốc	Tử vong

Cấp độ	Mô tả	Diễn giải
B (4)	Cao	Thương tật nghiêm trọng vĩnh viễn
C (3)	Trung bình	Cần điều trị y tế, mất ngày công
D (2)	Nhẹ	Điều trị y tế (có thể quay lại làm việc)
E (1)	Không đáng kể	Điều trị sơ cứu (có thể quay lại làm việc)

c) Xác định khả năng xuất hiện của tai nạn, sự cố hoặc ốm đau phát sinh từ mỗi nguy hiểm

Bên cạnh việc xác định hậu quả có thể xảy ra đối với mỗi mối nguy hiểm, cần thiết phải xác định khả năng xuất hiện (hay tần suất) của tai nạn, sự cố hoặc ốm đau phát sinh từ mỗi nguy hiểm.

Ví dụ tại bảng sau, việc xác định khả năng xảy ra được chia làm 3 mức: Hiếm khi, thỉnh thoảng, thường xuyên.

Khả năng xảy ra	Mô tả
Hiếm khi	Ít có khả năng xuất hiện
Thỉnh thoảng	Có thể hoặc đã biết xuất hiện
Thường xuyên	Xuất hiện thông thường hoặc lặp lại

Hoặc có thể chia làm 5 cấp độ như bảng sau đây:

Cấp độ	Mô tả	Diễn giải
Gần như chắc chắn	Sẽ xảy ra ít nhất một lần trong năm	Khả năng thường xuyên xảy ra trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống hoặc rất thường xuyên xảy ra trong hoạt động với số lượng lớn của các thành phần tương tự.
Có khả năng xảy ra	Một lần trong 5 năm	Khả năng xảy ra vài lần trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống trong hoạt động với số lớn của các thành phần tương tự Hoặc xảy ra với xác suất 1/5000 lần thực hiện công việc. Hoặc xảy ra với xác suất 1/500 người thực hiện công việc.
Có thể xảy ra	Một lần trong 10 năm	Khả năng đôi khi xảy ra trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống hoặc được trông đợi xảy ra một cách hợp lý trong đời với số lượng lớn các thành phần tương tự Hoặc xảy ra với xác suất 1/ 50 000 lần

Cấp độ	Mô tả	Diễn giải
		thực hiện công việc. Hoặc xảy ra với xác suất 1/5000 người thực hiện công việc.
Ít khi xảy ra	Một lần trong 15 năm	Đôi khi có thể xảy ra trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống hoặc trông đợi xảy ra một cách hợp lý trong đời của một số lớn các thành phần tương tự. Hoặc xảy ra với xác suất 1/100 000 lần thực hiện công việc. Hoặc xảy ra với xác suất 1/10 000 người thực hiện công việc.
Hiếm khi xảy ra	Không trông đợi có thể xảy ra trong vòng đời của hoạt động	Không chắc có thể xảy ra trong vòng đời của một cá thể hoặc hệ thống mà nó chỉ có thể bằng cách giả định chứ không phải bằng trải nghiệm. Hiếm khi xảy ra trong đời của một số lớn thành phần tương tự.

d) Đánh giá mức rủi ro dựa trên hậu quả và khả năng xảy ra. Lựa chọn ma trận rủi ro

Sau khi xác định các biện pháp kiểm soát mỗi nguy hiểm có sẵn, khả năng xảy ra và hậu quả của mỗi nguy hiểm, việc đánh giá mức độ rủi ro được thực hiện bằng cách sử dụng ma trận rủi ro.

Mức rủi ro được phân loại thành thấp, trung bình và cao và tùy thuộc vào sự kết hợp giữa hậu quả và khả năng xảy ra.

Ví dụ về ma trận xác định mức rủi ro 3x3

Khả năng xảy ra \ Hậu quả	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
Nặng	Trung bình	Cao	Cao
Trung bình	Thấp	Trung bình	Cao
Nhẹ	Thấp	Thấp	Trung bình

Ví dụ ma trận xác định mức rủi ro 5 x 5:

Ma trận đánh giá rủi ro được sử dụng để phân loại rủi ro trong đánh giá này được trình bày như trong hình dưới đây.

A (5)	B (4)	C (3)	D (2)	E (1)
-------	-------	-------	-------	-------

Hiếm khi xảy ra (1)	5	4	3	2	1	<p>Rủi ro thấp (1÷4) Rủi ro trung bình (5÷9) Rủi ro cao (10÷16) Rủi ro cực cao (17÷25)</p>
Ít khi xảy ra (2)	10	8	6	4	2	
Có thể xảy ra (3)	15	12	9	6	3	
Có khả năng xảy ra (4)	20	16	12	8	4	
Gần như chắc chắn (5)	25	20	15	10	5	

- Vùng màu xanh dương (từ 1 đến 4) là vùng rủi ro thấp - chấp nhận rộng rãi. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này, các biện pháp giảm rủi ro hiện hữu đã đầy đủ, cho phép tiếp tục hoạt động và không cần phải đưa ra bất kỳ biện pháp bổ sung nào.

- Vùng màu xanh lá (từ 5 đến 9) là vùng rủi ro trung bình - chấp nhận được. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này, các biện pháp giảm rủi ro hiện hữu đã đầy đủ, cho phép tiếp tục hoạt động và không cần phải đưa ra bất kỳ biện pháp bổ sung nào.

- Vùng màu vàng (từ 10 đến 16) là vùng rủi ro cao phải được giảm thiểu xuống mức thấp nhất phù hợp thực tế. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này cần cân nhắc giảm rủi ro tới một mức mà nếu áp dụng thêm các biện pháp giảm rủi ro thì sẽ không hiệu quả hoặc thiếu thực tế.

- Vùng màu đỏ (từ 17 đến 25) là vùng rủi ro cực cao - không chấp nhận được. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này thì phải dừng hoạt động và áp dụng bổ sung các biện pháp để giảm thiểu rủi ro.

7. Giải pháp kiểm soát rủi ro

Các biện pháp kiểm soát rủi ro phải được bắt đầu với mục tiêu loại trừ hoàn toàn rủi ro. Nếu điều này không thể đạt được, thì quá trình giảm thiểu phải được thực hiện theo một thứ tự quy định nhằm giảm thiểu rủi ro tới mức độ thấp nhất có thể được trong thực tế (ALARP) hoặc mức độ có thể chấp nhận được. Các biện pháp kiểm soát được xem xét theo thứ tự ưu tiên bao gồm:

- a) Loại bỏ từ nguồn;
- b) Thay thế;
- c) Giảm thiểu rủi ro;
- d) Kiểm soát có quy trình và năng lực nhân viên;
- đ) Kiểm soát hành chính;

e) Kế hoạch và năng lực ứng phó tình huống khẩn cấp, biện pháp kiểm soát khi có sự cố.

8. Kết luận và kiến nghị

Chương 3. Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp

Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp phải phù hợp với hệ thống ứng cứu khẩn cấp quốc gia. Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp, bao gồm:

1. Sơ đồ tổ chức, phân cấp trách nhiệm, hệ thống báo cáo khi xảy ra tai nạn hoặc xuất hiện các tình huống nguy hiểm;

2. Địa chỉ liên lạc và thông tin trong ứng cứu khẩn cấp với các bộ phận nội bộ và báo cáo các cơ quan quản lý có thẩm quyền liên quan;

3. Nguồn lực bên trong và bên ngoài sẵn có hoặc sẽ huy động để ứng cứu có hiệu quả các tình huống khẩn cấp;

4. Kế hoạch huấn luyện và diễn tập ứng cứu khẩn cấp;

5. Biên bản đánh giá kết quả luyện tập và diễn tập xử lý các tình huống giả định tại doanh nghiệp.

6. Danh sách ban chỉ huy ứng cứu khẩn cấp và danh sách đội ứng cứu khẩn cấp của doanh nghiệp.

7. Danh mục máy, thiết bị, phương tiện sử dụng trong hoạt động ứng cứu khẩn cấp.

8. Kế hoạch khôi phục hoạt động của cơ sở sau khi khắc phục sự cố bao gồm công tác điều tra, đánh giá nguyên nhân, hậu quả để nâng cao mức an toàn.

PHẦN IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

2. Kiến nghị

Phụ lục II
CÁC BIỂU MẪU

(Kèm theo Thông tư số .../2025/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mẫu số 01	Công văn đề nghị tiếp nhận kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản
Mẫu số 02	Quyết định phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản
Mẫu số 03	Công văn đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò
Mẫu số 04	Quyết định phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò

Mẫu số 01

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

V/v tiếp nhận kế hoạch quản lý
 rủi ro trong khai thác khoáng
 sản

Kính gửi:⁽²⁾.....Tên tổ chức, doanh nghiệp khai thác khoáng sản:⁽¹⁾.....Nơi đặt trụ sở chính:⁽³⁾.....

Điện thoại: Fax: Email:

Thực hiện Thông tư số/2025/TT-BCT ngày.....tháng.....năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản.

Đề nghị ...⁽²⁾... tiếp nhận kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản cho⁽⁴⁾.....

Hồ sơ gửi kèm theo: Kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản đã được doanh nghiệp lập và phê duyệt.

.....⁽³⁾....., ngày tháng năm ...
⁽⁵⁾.....

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Tên tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Công ty A);
- ⁽²⁾ Tên cơ quan tiếp nhận (Ví dụ: Sở Công Thương);
- ⁽³⁾ Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp;
- ⁽⁴⁾ Dự án;
- ⁽⁵⁾ Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

.....⁽³⁾..., ngày ... tháng ... năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2025/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số .../2025/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản;

Xét đề nghị của...⁽²⁾..... về việc phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản cho⁽⁴⁾.....của ...⁽¹⁾.....

Điều 2. ...⁽²⁾.....phải thực hiện đầy đủ các nội dung kế hoạch quản lý rủi ro được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

.....⁽²⁾..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu:

.....⁽⁵⁾.....
 (Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) Doanh nghiệp lập Kế hoạch quản lý rủi ro;
- (2) Tên phòng ban chức năng của doanh nghiệp (Ví dụ: Phòng A);
- (3) Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp;
- (4) Dự án;
- (5) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

V/v phê duyệt kế hoạch quản
lý rủi ro trong khai thác
khoáng sản bằng phương pháp
hầm lò

Kính gửi:⁽²⁾.....Tên tổ chức, doanh nghiệp khai thác khoáng sản:⁽¹⁾.....Nơi đặt trụ sở chính:⁽³⁾.....

Điện thoại: Fax: Email:

Thực hiện Thông tư số/2025/TT-BCT ngày.....tháng.....năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò.

Đề nghị ...⁽²⁾... phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò cho⁽⁴⁾.....

Hồ sơ gửi kèm theo: Kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò của doanh nghiệp.

.....⁽³⁾....., ngày tháng năm ...
.....⁽⁵⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Tên tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Công ty A);
- ⁽²⁾ Tên cơ quan phê duyệt (Ví dụ: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp);
- ⁽³⁾ Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp;
- ⁽⁴⁾ Dự án;
- ⁽⁵⁾ Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

BỘ CÔNG THƯƠNG

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ATMT

.....⁽³⁾..., ngày ... tháng ... năm 20.....**QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò**

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2025/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số .../2025/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 20.... của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản;

Xét đề nghị của...⁽²⁾..... về việc phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò;

Theo đề nghị của⁽⁴⁾.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò cho⁽⁵⁾.....của ...⁽²⁾.....⁽⁶⁾.....

Điều 2. ...⁽²⁾.....phải thực hiện đầy đủ các nội dung kế hoạch quản lý rủi ro được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

.....⁽⁷⁾....., Tổng Giám đốc/Giám đốc ...⁽²⁾..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu:

(8)

.....
(Chữ ký, dấu)**Nguyễn Văn A**

Chú thích:

- (1) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền được Bộ Công Thương giao;
- (2) Tên tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Công ty A);
- (3) Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp;
- (4) Tên phòng/ban chức năng của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền được Bộ Công Thương giao;
- (5) Dự án;
- (6) Trong giai đoạn trước khi thi công/trước khi đưa công trình hầm lò vào sử dụng;
- (7) Ghi đối tượng có liên quan.
- (8) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.